TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 04/9/2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và bà Chế Thị Mai.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân thành phố KonTum, Tỉnh KonTum .
Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Y Hồng Vân – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 04/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 06-5-2024, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1972. "Có mặt".
- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị Lệ T, sinh năm 1977. "Vắng mặt".

Cùng địa chỉ: Số N, đường Đ, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì anh Nguyễn Chí H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Lệ T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, thị xã K, tỉnh Kon Tum vào ngày 06/11/1998; việc kết hôn là tự nguyện, trước khi kết hôn có sự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi nhau, xúc phạm danh dự nhau, anh nghề nghiệp lái xe xa nhà, mỗi lần đi 1 tháng mới về nên tình cảm xa cách. Mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2018, sau khi đi làm xa về anh thấy chị T đã bỏ nhà đi để con cho anh nuôi, anh phải gửi bố mẹ đẻ của anh chăm sóc khi anh xa nhà. Vợ, chồng anh đã không còn chung sống với nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, thỉnh thoảng chị T vẫn gọi điện về thăm con, không gửi tiền cho anh nuôi con. Nay anh xác định thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Lệ T để anh ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ, chồng anh sinh được 03 con chung là: Nguyễn Như Q, sinh năm 1998, Nguyễn Thị Như N, sinh năm 2000 và Nguyễn Hùng C, sinh ngày 15/10/2009. Hai con chung đã trên 18 tuổi và tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết; về cháu C chưa đủ 18 tuổi, sau khi ly hôn anh yêu cầu Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục vì từ khi chị T bỏ đi một mình anh nuôi con, không có sự đóng góp tiền của chị T nhưng anh vẫn cho cháu ăn, học và có sức khỏe tốt, anh không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ nần: Anh H không yêu cầu giải quyết;

Về án phí DSST: Anh H nhận chịu

Bị đơn: Chị Bùi Thị Lệ T đã được Tòa án thông báo, triệu hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T không tham gia tố tụng, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh H; Đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Bùi Thị Lệ T không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Chí H. Anh Nguyễn Chí H được ly hôn với chị Bùi Thị Lệ T. Vì, anh chị đã không còn chung sống với nhau, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống do đó hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hùng C, sinh ngày 15/10/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn chị Bùi Thị Lệ T có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố Kon Tum giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn như đại diện VKS đề nghị là đúng pháp luật cần chấp nhận; Về quan hệ

pháp luật thì theo đơn khởi kiện của anh H yêu cầu được ly hôn và nuôi con sau ly hôn nên quan hệ giải quyết được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí H và chị Bùi Thị Lệ T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã biết việc anh H khởi kiện nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của anh H thì mâu thuẫn vợ, chồng anh H và chị T xảy ra từ năm 2011. Nguyên nhân, do vợ chồng bất bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, xúc phạm danh dự nhau. Mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2018, sau thời gian đi làm xa nhà về thấy chị T đã bỏ nhà đi; vợ, chồng không còn chung sống với nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và quy định tại Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh H và chị T đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Không quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống nên được xác định hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, anh H xin ly hôn với chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận, anh Nguyễn Chí H được ly hôn với chị Bùi Thị Lệ T.

- Về con chung: Vợ, chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con nhưng do chị T không tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và các bên cũng không thỏa thuận được với nhau nên HĐXX sẽ quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Thấy rằng, từ khi chị T bỏ nhà đi, anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Hùng C, sinh ngày 15/10/2009. Cháu C vẫn được anh H cho ăn, học và chăm sóc tốt khi không có sự quan tâm về mọi mặt, không đóng góp tiền nuôi con của chị T; đồng thời, nguyện vọng của cháu C được ở với bố khi bố, mẹ ly hôn. Do đó, theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình thì anh H yêu cầu Tòa án giao con con chung Nguyễn Hùng C, sinh ngày 15/10/2009 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với 02 con đã trên 18 tuổi và tự lập được, HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm* (Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng, anh H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Chí H về: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí H được ly hôn với chị Bùi Thị Lệ T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hùng C, sinh ngày 15/10/2009 cho anh Nguyễn Chí H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, chị Bùi Thị Lệ T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Lệ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 6, Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh Nguyễn Chí H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Chí H đã nộp theo biên lai số 0000099 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum. Anh Nguyễn Chí H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04 tháng 9 năm 2025), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung